

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 52/2021/HS-ST
Ngày: 23 - 11 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY - TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán – chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Sơn**.

Các Hội thẩm N dân:

1. Ông: **Huỳnh Ngọc Trứ**.

2. Bà: **Trần Thị Út**.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Huỳnh Thanh An** - Cán bộ Tòa án N dân thị xã Cai Lay.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lay tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Duy Thanh** - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 23 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Cai Lay xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 46/2021/TLST-HS ngày 15 tháng 7 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2021/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 8 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Thành N**, sinh ngày 17/3/1999, tại tỉnh Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp 7, xã Tân Bình, thị xã Cai Lay, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Văn R, sinh năm 1977 và bà: Nguyễn Thị P, sinh năm 1976; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/3/2021, chuyển tạm giam từ ngày 29/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa

2. Họ và tên: **Nguyễn Tấn T**, sinh ngày 27/4/1998; tại tỉnh Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Tấn M, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị G, sinh năm: 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/3/2021, chuyển tạm giam từ ngày 29/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Nguyễn Ngọc A**, sinh ngày 15/3/1999; tại tỉnh Tiền Giang; Hộ khẩu thường trú: ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú hiện nay: ấp A, xã B,

thị xã C, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Con ông: Nguyễn Phước H, sinh năm 1964 (đã chết) và bà: Nguyễn Thị K, sinh năm: 1965; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ ngày 20/3/2021, chuyển tạm giam từ ngày 29/3/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

1. **Nguyễn Tấn V**, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Lê Văn Đ**, sinh năm 1988; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Q, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

3. **Đào Lương X**, sinh năm 1960; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Q, xã C, huyện L, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. **Trần Văn P**, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

2. **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1976; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3. **Lê Minh T**, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

4. **Huỳnh Văn E**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

5. **Nguyễn Thị F**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

6. **Trần Văn D**, sinh năm 1966; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

7. **Lê Quang C**, sinh năm 1977; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã P, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

8. **Phạm Quốc I**, sinh ngày 26/3/2006; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khu A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

*Người đại diện hợp pháp cho anh Phạm Quốc I: **Phạm Quốc N**, sinh năm 1985; (vắng mặt)*

Nơi cư trú: Khu A, phường B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang;

9. **Lê Văn M**, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp T, xã H, huyện P, tỉnh Tiền Giang;

10. **Đỗ Quốc T**, sinh năm 1979; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp N, xã Đ, huyện H, tỉnh Long An.

11. **Nguyễn Văn R**, sinh năm 1977; (có mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

12. **Nguyễn Phước Q**, sinh năm 1965; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp A, xã B, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Nguyễn Thành N, sinh năm: 1999, nơi cư trú: ấp A, xã B, thị xã C; Nguyễn Tấn T, sinh năm: 1998 và Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1999, cùng cư trú: ấp N, xã B, thị xã C là bạn với nhau, đều là đối tượng có sử dụng ma túy.

Khoảng 17 giờ ngày 28/12/2020, N và T đi ngang nhà của anh Nguyễn Tấn V, sinh năm: 1979, nơi đăng ký thường trú: ấp N, xã B, thị xã C nhìn thấy bên trong nhà có bộ lư để trên bàn thờ phật đặt tại phòng khách nên N nảy sinh ý định trộm bán lấy tiền tiêu xài. Khoảng 22 giờ cùng ngày, tại nhà A, N rủ T và A đi lấy trộm bộ lư của anh Tài bán lấy tiền tiêu xài, T và A đồng ý. T điều khiển xe mô tô loại Mio, biển số 52F5 – 4629 của anh Nguyễn Văn R (cha của N) chở A và N đến trước nhà anh Tài rồi đậu xe phía ngoài, T và A đứng ngoài cánh giới còn N nhặt một thanh sắt bên hông nhà anh Tài nài ô khóa cửa phía hành lang vào bên trong nhà lấy một bộ lư đem ra ngoài hành lang, T nhặt một cái bao phía trước nhà anh Tài đưa cho N bỏ bộ lư vào bao chuyển ra ngoài cho T. Sau đó cả ba đem bộ lư về nhà của A, do cái bao bị rách nên T lấy một cái tưng gân màu trắng xanh tại nhà A bỏ bộ lư vào rồi đem về nhà N cất giấu. N đem bộ lư trộm được bán cho bà Nguyễn Thị F, sinh năm 1965, cư trú: ấp A, xã B, thị xã C với giá 2.500.000 đồng. N lấy 1.000.000 đồng, chia cho T và A mỗi người 500.000 đồng, 500.000 đồng mua ma túy cùng sử dụng.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) bộ lư thờ gồm chân lư, thân lư và nắp lư, phía trên nắp có hình con lân, hai bên thân lư có hai chùm đào; 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng đồng;

Kết luận định giá số 30 ngày 25/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng Hình sự thị xã Cai Lậy kết luận bộ lư thờ và hai chân đèn của anh Nguyễn Tấn V bị chiếm đoạt vào ngày 28/12/2021 trị giá 3.000.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Ngày 17/5/2021 Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho anh Nguyễn Tấn V 01 bộ lư thờ và 02 chân đèn bằng kim loại màu vàng đồng.

Trong quá trình điều tra các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A khai còn thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất:

Vào ngày (không nhớ rõ) trong tháng 5 năm 2019, Nguyễn Tấn T rủ Nguyễn Ngọc A vào chùa Khánh Quới, địa chỉ: ấp N, xã B, thị xã C do ông Đào Lương X, sinh năm 1960 làm trụ trì lấy trộm một mô tưa bơm nước bán lấy tiền tiêu xài, A đồng ý. Khoảng 22 giờ, T mang theo một cây kềm, một cây cưa sắt đi bộ cùng A đến chùa Khánh Quới. Đến nơi T và A chui qua hàng rào dùng kềm và cưa sắt thay nhau cưa ống nước và cắt dây điện lấy trộm một mô tưa hiệu Cá sấu, công suất 2HP, màu xanh đem ra ngoài hàng rào. A đi về nhà còn T quay về nhà mượn xe đạp của anh Nguyễn Phước Q đến chở mô tưa trộm được đem về bán cho anh Lê Minh T, sinh năm 1991, cư trú: ấp 6, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy được 500.000 đồng. T chia cho A 250.000 đồng và giữ lại 250.000 đồng. Sau đó, anh Tâm bán mô tưa cho Huỳnh Văn E, sinh năm 1978, cư trú: ấp 6, xã Tân Bình, thị xã Cai Lậy 500.000 đồng. Sau khi sử dụng do mô tưa bị hư không sửa được nên Dũng E đã bán mô tưa cho một người mua phế liệu (không xác định được họ tên, địa chỉ) nên không thu hồi được.

Kết luận định giá số 39 ngày 30/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận mô tua 2HP bị chiếm đoạt trị giá 2.250.000 đồng.

Vụ thứ hai:

Vào ngày (không nhớ rõ) trong tháng 5 năm 2019. Sau khi bị mất trộm mô tua thì ông Đào Lư Hồng trụ trì chùa Khánh Quới mua một mô tua khác lắp vào vị trí đặt mô tua trước đó đã bị mất trộm, T nhìn thấy nên nảy sinh ý định trộm cắp. Tại nhà A, T rủ N và A vào chùa Khánh Quới lấy trộm mô tua bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, N đồng ý, A buồn ngủ nên không đi và nói là sau khi lấy được mô tua A sẽ tìm nơi bán. Khoảng 23 giờ, T điều khiển xe loại Dream (không rõ biển số) của T chở N đến chùa Khánh Quới, khi đi T mang theo một cây kềm và một cưa sắt. Đến nơi T và N leo qua hàng rào vào trong chùa thay nhau cưa ống nước và cắt dây điện lấy trộm mô tua hiệu Cá sấu, công suất 2HP, màu xanh đem về nhà của T. Ngày hôm sau A liên hệ tham khảo giá và kêu T đem mô tua trộm được đến khu vực chợ củ Cai Lậy thuộc khu phố 1, phường 1, thị xã Cai Lậy bán cho một người đàn ông khoảng 40 tuổi (không biết họ tên, địa chỉ) được 900.000 đồng nên không thu hồi được, T đem tiền về đưa cho A để mua ma túy sử dụng và tiêu xài chung hết.

Kết luận định giá số 39 ngày 30/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận mô tua 2HP bị chiếm đoạt trị giá 2.250.000 đồng.

Vụ thứ ba:

Khoảng 20 giờ ngày 21/01/2021, Phạm Quốc I, sinh ngày 26/3/2006 điều khiển xe mô tô biển số 63B9-780.02 của anh Phạm Quốc N (cha của T) chở Nguyễn Thành N đi ngang qua vựa mít của anh Lê Văn Đ, sinh năm 1988, địa chỉ ấp Cầu Dừa, xã Mỹ Phước Tây, thị xã Cai Lậy nhìn thấy vựa mít khóa cửa ngoài và không người trông coi nên N nảy sinh ý định trộm cắp và rủ T đột nhập trộm cắp tài sản thì T đồng ý. N và T về nhà Nguyễn Ngọc A rủ A tham gia lấy trộm thì A đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 63B9-780.02 chở N và A đi đến vựa mít, khi đi N lấy theo một cái búa và một cái đục tại nhà A. Khi đến vựa mít N đục ổ khóa đi vào lấy trộm 02 máy khoan tay hiệu Boss màu xanh và một máy cưa tay màu đỏ hiệu Shindaiwa, còn A lấy một cái máy hàn điện hiệu Hồng Ký, màu vàng đem ra ngoài; rồi đem tài sản trộm được về nhà N, N đem máy cưa bán cho anh Lê Văn Moàn, sinh năm 1979, cư trú: ấp 2, xã Mỹ Hạnh Đông, huyện Đức Huệ, tỉnh Long An với giá 500.000 đồng; bán cho anh Lê Văn M, sinh năm 1990, cư trú ấp: ấp Tân Hưng Tây, xã Tân Hòa Tây, huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang một cái máy hàn với giá 1.000.000 đồng. N chia cho T 300.000 đồng, A và N mỗi người 550.000 đồng. Số tiền còn lại cùng nhau tiêu xài hết.

Còn lại 02 cái máy khoan N không bán được do bị hư hỏng nên để ở nhà N. Cơ quan điều tra đã tổ chức truy tìm nhưng không tìm được.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) ổ khóa VIỆT TIẾP đã bị hư hỏng; 01 (một) máy cưa tay, màu đỏ, hiệu Shindaiwa.

Kết luận định giá số 39 ngày 25/3/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thị xã Cai Lậy kết luận 02 máy khoan, 01 máy cưa và 01 máy hàn trị giá 8.930.000 đồng.

Xử lý vật chứng: Ngày 27/4/2021 Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả cho anh Lê Văn Đ một máy cưa tay, màu đỏ, hiệu Shindaiwa.

Về trách nhiệm dân sự trong vụ án:

+ Anh Nguyễn Tấn V, Lê Văn Đ đã nhận lại tài sản bị mất trộm; đối với các tài sản bị mất không thu hồi được anh Tài và anh Đạm không yêu cầu phải bồi thường về dân sự;

+ Anh Đào Lư Hồng, Lê Văn Moàn, Trần Văn D và chị Nguyễn Thị F không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự;

Tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu, nên không có ý kiến gì đối với nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phía người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R và bà Nguyễn Thị P có ý kiến trình bày: Ông R và bà P là cha mẹ ruột của bị cáo N. Việc bị cáo N đi trộm cắp như thế nào thì ông R và bà P không biết đến khi Công an báo lại sự việc thì mới biết là N trộm cắp tài sản của người khác. Khi bị cáo N lấy xe mô tô loại Mio, biển số 52F5 – 4629 nói là đi mua đồ nên mới cho bị cáo N lấy xe đi, chứ không biết việc N lấy xe là để chở các bị cáo khác đi trộm cắp tài sản. Từ trước tới giờ bị cáo N ở địa phương cũng chấp hành tốt về pháp luật nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo N.

Bản cáo trạng số 55/CT-VKSTXCL ngày 13 tháng 7 năm 2021 của Viện kiểm sát N dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang truy tố các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A đã thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A về tội trộm cắp tài sản. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình; xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38, 58 Bộ luật Hình; xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn T từ 09 tháng đến 01 năm tù; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự phía các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Về xử lý vật chứng: Đối với các loại tài sản mà Cơ quan điều tra đã tiến hành trao trả đã xong không đặt ra xem xét để giải quyết. Đối với 01 ổ khóa VIỆT TIỆP là vật chứng trong vụ án đã bị hư hỏng không còn giá trị và không sử dụng được nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy. Riêng đối với số tiền 5.400.000 đồng là do các bị cáo bán tài sản trộm cắp được mà có và các bị cáo đã sử

dụng số tiền này tiêu sài cá N không còn, nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo N, T, A phải có nghĩa vụ nộp lại số tiền 5.400.000 đồng và tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Việc vắng mặt người người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Xét thấy, trong hồ sơ đã có lời khai của những người này và việc vắng mặt những người này không làm ảnh hưởng đến việc xét xử đối với các bị cáo N, T, A. Căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt phía người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã Cai Lậy, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân thị xã Cai Lậy, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình là: Trong khoảng thời từ tháng 5/2019 đến tháng 01/2021 tại ấp Cầu Dừa, xã Mỹ Phước Tây và ấp N, xã B, thị xã C, Nguyễn Thành N cùng với Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A đã có hành vi thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản, trị giá tài sản là 16.430.000 đồng của các bị hại Nguyễn Tấn V, Đào Lương X và Lê Văn Đ. Trong đó, N trộm 03 vụ với tổng số tiền 14.180.000đ, T trộm cắp 03 vụ với tổng số tiền 7.500.000đ, A trộm cắp 04 vụ với tổng số tiền 16.340.000 đồng. Trong vụ án đồng phạm này, N là người rủ rê 02 vụ, cùng thực hiện 03 vụ; T rủ rê 02 vụ, cùng thực hiện 02 vụ và 01 vụ giúp sức; A thực hiện 02 vụ, giúp sức 02 vụ. Xét lời thừa nhận tội của các bị cáo là phù hợp biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nội dung cáo trạng đã nêu. Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Đúng với kết luận luận tội của đại diện Viện kiểm sát N dân thị xã Cai Lậy giữ quyền công tố tại phiên tòa hôm nay.

[4] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo thật vô cùng táo bạo và liều lĩnh, lợi dụng lúc không có người để ý và lợi dụng sự mất cảnh giác của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để trộm cắp tài sản. Xét về tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của phía bị hại được luật pháp nhà nước ta bảo vệ, cụ thể trong vụ án này tài sản của người bị hại là anh Tài, Đạm, Hồng mà nó còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an ở địa phương nơi

xảy ra tội phạm. Hành vi phạm tội của các bị cáo thể hiện sự xem thường pháp luật, nên cần xử phạt các bị cáo với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo để giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Căn cứ vào vai trò, hành vi, tính chất, mức độ, hậu quả của việc thực hiện tội phạm. Xét thấy, các bị cáo có ý thức chuẩn bị trước, có ý thức tham lam, chây lười lao động. Tuy các bị cáo cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội nhưng không có sự cấu kết chặt chẽ, do đó xác định đây là đồng phạm giản đơn. Cụ thể, vai trò của từng bị cáo như sau:

Đối với bị cáo Nguyễn Thành N là người khởi xướng, rủ rê trong viện thực hiện tội phạm và là người trực tiếp thực hiện tội phạm. Cụ thể bị cáo N là người rủ rê 02 vụ, cùng thực hiện 03 vụ. Cho nên, cần xử phạt bị cáo N với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Tấn T là người khởi xướng, rủ rê trong viện thực hiện tội phạm, người trực tiếp thực hiện tội phạm và giúp sức trong việc thực hiện tội phạm. Cụ thể bị cáo T là người rủ rê 02 vụ, cùng thực hiện 02 vụ và giúp sức 01 vụ. Cho nên, cần xử phạt bị cáo T với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc A là người giúp sức 02 vụ và là người trực tiếp thực hiện tội phạm 02 vụ. Cho nên, cần xử phạt bị cáo A với mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A có chung 01 tình tiết tăng nặng đó là phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo N còn có tình tiết tăng nặng xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội, quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A có chung tình tiết giảm nhẹ là: Các bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo có thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A không có tiền án, tiền sự; về trình độ học vấn bị cáo N là 7/12, bị cáo T là 01/12, bị cáo A là 8/12, nên nhận thức về pháp luật của các bị cáo có phần hạn chế. Do vậy, cần xem xét chiếu cố phần nào mức hình phạt đối với các bị cáo nhưng cũng phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe, giáo dục, cải tạo các bị cáo trở thành công dân tốt giúp ích cho xã hội sau này.

[9] Đối với Phạm Quốc I tại thời điểm thực hiện hành vi trộm cắp tài sản chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[10] Đối với các vụ trộm cắp tài sản do Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A thực hiện như: trộm xe mô tô hiệu Wave không biển kiểm soát trên địa bàn huyện Tân Phước, vụ trộm 06 mắt camera của người dân trên tuyến đường 868 và vụ trộm cắp mô tua hiệu Cá Sấu 01 HP tại ấp N, xã B, thị xã C, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã thông báo truy tìm bị hại nhưng chưa xác định được, khi nào tìm được người bị hại sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[11] Đối với xe mô tô hiệu Dream, biển kiểm soát 52K8-8856 mà Nguyễn Thành N và Nguyễn Tấn T trộm của anh Nguyễn Tấn V, do không xác định được giá trị tài sản nên Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, truy tìm vật chứng, khi có căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[12] Đối với chị Nguyễn Thị F; anh Trần Văn D, Lê Văn M, Đỗ Quốc T, Lê Minh T, Huỳnh Văn E và Trần Văn P có hành vi mua các tài sản mà các bị cáo đem bán. Tuy nhiên, không biết những tài sản này là do các bị cáo phạm tội mà có. Do đó, hành vi của những người này không có dấu hiệu tội phạm, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[13] Đối với anh Nguyễn Phước Q, Phạm Quốc N và Nguyễn Văn R có hành vi giao xe cho các bị cáo nhưng không biết các bị cáo sử dụng phương tiện này để thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cũng không có dấu hiệu tội phạm, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[14] Sau các lần trộm cắp tài sản các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T và Nguyễn Ngọc A sử dụng một phần tiền bán tài sản trộm được để mua ma túy sử dụng. Các bị cáo khai mua ma túy của một người không biết tên, địa chỉ. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ khi có đủ căn cứ sẽ xử lý sau, nên Hội đồng xét xử không đặt xem xét để giải quyết.

[15] Về xử lý vật chứng: Đối với các loại tài sản mà Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy đã ra quyết định xử lý vật chứng và đã trao trả lại tài sản cho phía bị hại đã xong, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Đối với các công cụ kiếm, cưa sắt, búa và đục mà các bị cáo N và T sử dụng để trộm cắp tài sản. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đã bỏ mất nên Cơ quan điều tra không thu giữ được. Đối với xe mô tô hiệu Dream, không biển số của T sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, sau khi trộm cắp tài sản xe đã bị cũ và hư, T đã mang đi bán ve chạy cho một người không xác định nên Cơ quan điều tra không thu giữ được, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết. Đối với 01 ổ khóa VIỆT TIẾP đã bị hư hỏng. Xét thấy, đây là vật chứng trong vụ án nhưng đã bị hư hỏng không còn giá trị và không sử dụng được nên tiêu hủy thu tiêu hủy. Riêng đối với số tiền 5.400.000 đồng là do các bị cáo bán tài sản trộm cắp được mà có và các bị cáo đã sử dụng số tiền này tiêu sài cá N không còn. Phía các bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nhưng đây là số tiền do các bị cáo bán tài sản trộm cắp mà có; tại phiên tòa hôm nay bị cáo N, T, A đồng ý 03 bị cáo là người nộp lại số tiền nói trên, không yêu Phạm Quốc I cùng nộp,

nên cần buộc bị cáo N, T, A phải có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền 5.400.000 đồng, nộp một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật và tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

[16] Về trách nhiệm dân sự: Phía bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ không yêu cầu các bị cáo bồi thường về trách nhiệm dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét để giải quyết.

[17] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[18] Xét ý kiến và đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang là có căn cứ và phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận một phần đề nghị của phía đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g, o khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự; Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Thành N 02 (hai) năm tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 20/3/2021.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự, Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Tấn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 20/3/2021.

Xử: Phạt bị cáo Nguyễn Ngọc A 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ là ngày 20/3/2021.

2. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu và tiêu hủy 01 ổ khóa VIỆT TIẾP đã bị hư hỏng.

Buộc các bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A phải có nghĩa vụ liên đới nộp lại số tiền 5.400.000 đồng, đây là số tiền do các bị cáo phạm tội mà có, nộp một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật và tịch thu, nộp ngân sách nhà nước.

(Vật chứng trên được Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Cai Lậy và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy lập ngày 18/11/2021)

3. Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí lệ phí.

Bị cáo Nguyễn Thành N, Nguyễn Tấn T, Nguyễn Ngọc A mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án. Riêng người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thị xã Cai Lậy;
- Cơ quan điều tra CA thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người đại diện hợp pháp người có QLNVLQ;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thanh Sơn